

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **141/2019/HS-PT**
Ngày: 09 - 9 - 2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Như Tám**

Ông **Trần Bình Đảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Thị Quý** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 6, ngày 01 tháng 7, ngày 04 và 09 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 41/2019/HS- PT ngày 05 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2019/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1979 tại Quãng Ngãi; nơi cư trú: Số 12 đường H, khu phố 2, thị trấn A, huyện P, tỉnh Kiên Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con bà Nguyễn Thị X (chưa xác định được nhân thân cha); chồng: Ông Lê Đình N; con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2018 đến ngày 26/11/2018 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Phạm Quốc H** - Văn phòng Luật sư Phạm Quốc H, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 14/10/2018 Nguyễn Thị T đang ở nhà T tổ 4, khu phố 2, thị trấn A thì nhận được điện thoại của H (chưa xác định được nhân thân) hỏi T có mua thuốc lá hiệu Hero và Jet không. Qua trao đổi, T đồng ý mua thuốc lá hiệu Hero 15.000đồng/bao, hiệu Jet với giá 18.000đồng/bao. Sau khi thỏa thuận xong, khoảng 15 phút sau có một người đàn ông điều khiển xe ô tô tải đến nhà T giao cho T 4.990 bao thuốc lá điều nhập lậu gồm: 3.940 bao thuốc lá hiệu Hero, 1.050 bao thuốc lá hiệu Jet. Nhận T xong, T mang vào nhà cất giấu. Ngoài ra, T còn mua 70 bao thuốc lá hiệu 555 và 100 bao thuốc lá hiệu Caraven của một người không rõ tên, địa chỉ để bán lại kiếm lời. Đến 09 giờ ngày 15/10/2018 T đang mang 70 bao thuốc lá gồm 50 bao Hero và 20 bao 555 mang đi bán thì bị phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 5.160 bao thuốc lá gồm: 3.940 bao thuốc lá hiệu Hero; 1.050 bao thuốc lá hiệu Jet; 70 bao thuốc lá hiệu 555 và 100 bao hiệu Caraven;

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A71, kiểu máy CPH 1801, màu gold đã qua sử dụng;

- 01 sim điện thoại số 0941640154 đã qua sử dụng.

*** *Tại bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:***

Căn cứ Điểm b khoản 3 Điều 190, điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

*** *Tuyên bố:*** Bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội “**Buôn bán hàng cấm**”.

- ***Xử phạt:*** Bị cáo **Nguyễn Thị T - 08 (tám) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị tạm giam, tạm giữ từ ngày 15/10/2018 đến ngày 26/11/2018.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và bảo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*** Ngày 11/3/2019, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo với nội dung:**

- Bị cáo thừa nhận có nhận 5.160 bao thuốc lá trong nhà của bị cáo nhưng thực tế số thuốc lá này là của một người tên H, có địa chỉ tại khu phố 5, thị trấn A gửi nhờ tại nhà bị cáo, mục đích bị cáo mang 70 bao thuốc lá ra ngoài là để hỏi giá thì bị bắt. Biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang được lập tại Công an thị trấn A chứ không phải tại nhà bị cáo; người chứng kiến ông Phạm Ngọc Liêu không có mặt khi thu giữ hàng, chỉ ký chứng kiến tại trụ sở công an thị trấn.

- Trong quá trình điều tra, các biên bản hỏi cung, lấy lời khai của bị cáo đều đã được Điều tra viên, Kiểm sát viên chuẩn bị sẵn, không thực hiện hỏi đáp và ghi chép trực tiếp tại bàn làm việc.

- Bị cáo chỉ là người kinh doanh than củi, không phải buôn bán thuốc lá, không có chuyên môn về buôn bán thuốc lá; hơn nữa khả năng kinh tế gia đình bị cáo rất eo hẹp thì lấy đâu ra tiền để mua thuốc lá về bán lại.

- Bị cáo có mẹ là bà Nguyễn Thị X – vợ của liệt sĩ Võ Văn Cỗ, mẹ bị cáo hiện nay đang bị bệnh tai biến và đang được bị cáo nuôi dưỡng suốt 07 năm nay. Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Do đó, bị cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét bị cáo phạm tội “Tàng trữ, vận chuyển hàng cấm” theo Điều 191 Bộ luật hình sự và xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện chăm sóc con nhỏ, phụng dưỡng mẹ già và thờ cúng liệt sĩ.

Tại phiên tòa, bị cáo T cho rằng bị cáo không phạm tội buôn bán hàng cấm, bị cáo thừa nhận có mua thuốc của tên H nhưng mua với số lượng ít về để bán nhỏ lẻ. Số thuốc mà cơ quan điều tra bắt tại nhà bị cáo là của tên H cho người chở đến để trước nhà bị cáo, bị cáo sợ nên đã mang số thuốc đó vào nhà để dưới giường, bị cáo chỉ giữ giùm cho H. Nay bị cáo yêu cầu HĐXX xem xét cho bị cáo không phạm tội buôn bán hàng cấm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Xét nội kháng cáo của bị cáo, cho rằng số thuốc lá mà cơ quan công an khám xét thu giữ ở nhà bị cáo là của đối tượng tên H gửi bị cáo giữ, cũng như tại phiên tòa bị cáo thừa nhận trước đó là bị cáo có mua thuốc lá của tên H về bán lại kiếm lời, tuy nhiên bị cáo chỉ mua số lượng nhỏ lẻ chứ bị cáo không mua nhiều, bản thân bị cáo hành nghề mua bán than, gia đình khó khăn nên bị cáo không có điều kiện mua số lượng lớn... Tuy nhiên, tại biên bản bắt quả tang, các lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo đều thể hiện bị cáo mua thuốc lá về để bán kiếm lời chứ không phải là thuốc do H gửi bị cáo giữ giùm... Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo cung cấp thông tin về đối tượng tên H, qua xác minh thì có đối tượng tên H ở địa chỉ mà bị cáo cung cấp nhưng do H đã bỏ địa phương đi nên giai đoạn phúc thẩm không làm việc được với H, do đó không có căn cứ xác định H có liên quan tới số thuốc lá bắt quả tang tại nhà bị cáo, vấn đề này đề nghị HĐXX kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện P tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau. Việc bị cáo cho rằng cơ quan điều tra lập sẵn biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung và cho bị cáo ký tên là không có chứng cứ;

Hành vi của bị cáo tàng trữ 4.990 bao thuốc lá điều nhập lậu đã cấu thành tội “Tàng trữ hàng cấm” tại điểm b khoản 3 Điều 191 BLHS. Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo mà xử bị cáo về tội buôn bán hàng cấm là chưa đủ căn cứ, qua các

chứng cứ có trong hồ sơ thì hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội tàng trữ hàng cấm. Do đó, đề nghị HĐXX chuyển tội danh cho bị cáo từ tội mua bán hàng cấm sang tội tàng trữ hàng cấm.

Bị cáo là con của bà Nguyễn Thị X— vợ của liệt sỹ Võ Văn Cỏ, nhưng bị cáo không phải là con của liệt sỹ Võ Văn Cỏ nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS. Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa án sơ thẩm, chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo, áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo 05 năm tù về tội “**Tàng trữ hàng cấm**”.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm bào chữa như sau: Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, biên bản bắt quả tang không được lập tại nơi bắt quả tang là nhà bị cáo nhưng vẫn ghi lập tại nhà bị cáo, các biên bản lấy lời khai phần lớn là do điều tra viên lập sẵn và đưa bị cáo ký tên, người chứng kiến là ông Liêu không chứng kiến nhưng vẫn ghi ông Liêu chứng kiến quá trình bắt và đếm số thuốc lá. Quá trình điều tra không xem xét về nguồn gốc của số lượng thuốc lá từ đâu mà có, cần phải làm rõ người chủ thực sự của số thuốc lá trên. Việc bị cáo khai có người tên H, có số điện thoại của H trong điện thoại bị cáo nhưng cơ quan điều tra vẫn không điều tra làm rõ vấn đề này; bị cáo nhận số thuốc lá trong tình trạng bị động. Do đó, nếu kết tội bị cáo là buôn bán hàng cấm hay tàng trữ hàng cấm là oan cho bị cáo, nên Luật sư đề nghị hủy án sơ thẩm, trả hồ sơ về điều tra, xét xử lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo: Về quyết định của bản án sơ thẩm: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 14/10/2018 Nguyễn Thị T đang ở nhà T tổ 4, khu phố 2, thị trấn A thì nhận được điện thoại của H hỏi T có mua thuốc lá hiệu Hero và Jet không. Qua trao đổi, T đồng ý mua 4.990 bao thuốc lá điều nhập lậu (gồm 3.940 bao hiệu Hero, 1.050 bao hiệu Jet) và mang vào nhà cất giấu. Ngoài ra, T còn mua 70 bao thuốc lá hiệu 555 và 100 bao thuốc lá hiệu Caraven của một người không rõ tên, địa chỉ để bán

lại kiểm lời. Đến 09 giờ ngày 15/10/2018 T đang mang 70 bao thuốc lá điều nhập lậu đi bán thì bị phát hiện bắt quả tang. Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Buôn bán hàng cấm”.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T khai rằng số thuốc lá 5.160 bao là của một người tên H nhờ người chở tới để trước nhà bị cáo, do sợ nên bị cáo đem vào nhà cất, chứ không phải của bị cáo mua của H; 70 bao thuốc lá bị cáo mang ra ngoài với mục đích hỏi giá để bán không phải lấy từ 5.160 bao thuốc nêu trên. Bị cáo thừa nhận trước đó là bị cáo có mua thuốc lá của tên H về bán lại kiếm lời. Tuy nhiên, bị cáo chỉ mua số lượng nhỏ lẻ chứ bị cáo không mua số lượng lớn, bản thân bị cáo hành nghề mua bán than, gia đình khó khăn nên bị cáo không có điều kiện mua số lượng lớn... Nhưng tại biên bản bắt quả tang, các lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo đều thể hiện bị cáo mua thuốc lá về để bán kiếm lời chứ không phải là thuốc do H gửi bị cáo giữ giữ...

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo cung cấp thông tin về đối tượng tên Huỳnh Đức H là người gửi số thuốc lá điều cho bị cáo giữ giữ, nhưng qua xác minh thì có đối tượng tên H có đúng ở địa chỉ mà bị cáo cung cấp, nhưng hiện nay tên H đã bỏ địa phương đi đâu không rõ và không có trình báo chính quyền địa phương, do đó cơ quan tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm không làm việc được với tên H. Vì vậy, chưa có đủ căn cứ xác định tên H có liên quan tới số thuốc lá mà Cơ quan Công an khám xét thu giữ tại nhà bị cáo như lời khai của bị cáo. Do đó, HĐXX tiếp tục kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện P tiếp tục điều tra làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xử lý sau. Đối với lời khai nại của bị cáo tại phiên tòa cho rằng, cơ quan điều tra khi làm việc với bị cáo đã lập sẵn biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung và cho bị cáo ký tên là không có chứng cứ;

Đối với số lượng thuốc lá điều nhập lậu mà Cơ quan Công an khám xét thu giữ tại nhà bị cáo là đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ hàng cấm” được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 191 BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Việc cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo, số lượng thuốc bị cáo mang đi bán bị bắt...mà chưa làm rõ đối tượng mua thuốc của bị cáo là ai, chưa làm rõ số lượng thuốc thu giữ ở nhà bị cáo có phải là của tên H bán thuốc cho bị cáo hay không... Từ đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Buôn bán hàng cấm” là chưa đủ căn cứ, bất lợi cho bị cáo. Vì vậy, HĐXX chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị cáo sửa án sơ thẩm, chuyển tội danh cho bị cáo từ tội “Buôn bán hàng cấm” sang tội “Tàng trữ hàng cấm”.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo yêu cầu HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo là con liệt sĩ. Tuy nhiên, qua xem xét thì bị cáo đúng là con của bà Nguyễn Thị Xiêm (vợ của liệt sỹ Võ Văn Cồ), nhưng bị cáo không phải là con của liệt sỹ Võ Văn

Cổ nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đối với kháng cáo yêu cầu xem xét cho bị cáo được hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận. Bởi hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự, trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước. Bị cáo có đủ khả năng nhận thức được rằng thuốc lá điều nhập lậu là hàng hóa bị Nhà nước nghiêm cấm dưới mọi hình thức, nếu bất kỳ ai vi phạm sẽ bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật, nhưng vì mục đích háms lợi mà bị cáo đã bất chấp lao vào con đường phạm tội. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, đang nuôi mẹ già và thờ phụng liệt sỹ nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[3] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm chuyển tội danh cho bị cáo từ tội “Buôn bán hàng cấm” sang tội “Tàng trữ hàng cấm” cũng như các tình tiết giảm nhẹ là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần chấp nhận.

[4] Về quan điểm của Luật sư: Luật sư đề nghị hủy án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng tố tụng và trả hồ sơ để điều tra, xét xử lại. Xét thấy, đề nghị của Luật sư là không có căn cứ. Bởi lẽ, Biên bản phạm tội quả tang bị cáo đã ký tên và có ông Liêu chứng kiến, bị cáo cũng thừa nhận khi kiểm tra số lượng thuốc lá thu giữ thì bị cáo có mặt ở đó và được nghe đọc biên bản và bị cáo ký tên; trong giai đoạn điều tra bị cáo được lấy lời khai và hỏi cung nhiều lần, các lần khai bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đối với vấn đề điều tra đối tượng tên H, thì tại giai đoạn sơ thẩm do bị cáo không cung cấp được thông tin cụ thể nên cơ quan điều tra không lấy lời khai và làm rõ được, tại giai đoạn phúc thẩm H đã bỏ địa phương đi nên cũng không làm việc được với H, nên chưa đủ có căn cứ để xác định H có liên quan đến số thuốc lá bắt quả tang tại nhà bị cáo như HĐXX đã phân tích trên. Việc Luật sư đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm để điều tra làm rõ tên H là không có căn cứ. Với hành vi tàng trữ thuốc lá điều nhập lậu mà Công an thu giữ tại nhà bị cáo là đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ hàng cấm”. Do đó, HĐXX đề nghị của Luật sư đề nghị hủy án sơ thẩm điều tra làm rõ hành vi của tên H là không chấp nhận đề nghị của Luật sư là thỏa đáng.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do bị cáo kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T.

- Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HS-ST ngày 06/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện P.

2. Áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 191, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

*** Xử phạt:** Bị cáo **Nguyễn Thị T – 05 (năm) năm tù** về tội “**Tàng trữ hàng cấm**”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào chấp hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2018 đến ngày 26/11/2018.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 và 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án số 26/2019/HS-ST ngày 06/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Kiên Giang, không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1);
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Luật sư (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (6).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thành Quang